

Bến Tre, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**DANH SÁCH CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ LỚP;
ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2019-2020**

1. Cá nhân

STT	Họ và tên	Lớp	Kết quả		Đanh hiệu	Ghi chú
			Học tập	Rèn luyện		
***	I. KHOA SƯ PHẠM					
1	Văn Thị Thúy Ái	17CDMN1	3,35	90	Giỏi	
2	Dương Thị Thu An	//	3,59	90	Giỏi	
3	Nguyễn Ngọc Minh Anh	//	3,88	100	XS	
4	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	//	3,59	83	Giỏi	
5	Nguyễn Thị Lan Chi	//	4,00	100	XS	
6	Võ Thị Mỹ Chi	//	3,76	100	XS	
7	Trần Thị Kim Chi	//	3,12	86	Khá	
8	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	//	3,59	83	Giỏi	
9	Nguyễn Thanh Thúy Diệp	//	3,35	94	Giỏi	
10	Nguyễn Thị Mỹ Dung	//	3,00	91	Khá	
11	Trần Nguyễn Thùy Dương	//	3,71	97	XS	
12	Mai Trần Thùy Dương	//	3,71	85	Giỏi	
13	Nguyễn Thị Thùy Dương	//	3,71	92	Giỏi	
14	Nguyễn Ngọc Hồng Duyên	//	3,76	97	XS	
15	Nguyễn Thị Duyên	//	3,59	83	Giỏi	
16	Nguyễn Thị Thảo Duyên	//	3,59	90	Giỏi	
17	Võ Thị Cẩm Duyên	//	3,59	90	Giỏi	
18	Lê Thị Ngọc Hạnh Em	//	3,76	85	Giỏi	
19	Phạm Ngọc Quỳnh Giang	//	3,88	100	XS	
20	Huỳnh Thị Trúc Hà	//	3,53	83	Giỏi	
21	Nguyễn Trần Kim Hân	//	3,35	90	Giỏi	
22	Tổng Thị Ngọc Hân	//	3,59	95	Giỏi	
23	Dương Gia Hân	//	3,35	90	Giỏi	
24	Đặng Thúy Hằng	//	3,24	78	Giỏi	
25	Đoàn Thị Như Hào	//	3,24	83	Giỏi	
26	Trần Thị Ngọc Hiếu	//	3,47	90	Giỏi	
27	Lương Thúy Hiếu	//	3,47	83	Giỏi	
28	Trần Mỹ Hoa	//	3,59	94	Giỏi	
29	Phạm Thị Thu Hồng	//	3,59	95	Giỏi	

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả		Danh hiệu	Ghi chú
				Học tập	Rèn luyện		
30	Võ Khánh	Hồng	//	3,24	82	Giỏi	
31	Lê Huỳnh Nguyệt	Huế	//	3,47	89	Giỏi	
32	Nguyễn Thị	Huệ	//	4,00	100	XS	
33	Phan Thị Thu	Hương	//	3,35	89	Giỏi	
34	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	//	3,71	96	Giỏi	
35	Phạm Thị Mỹ	Huyền	//	3,71	92	Giỏi	
36	Dương Thị Thúy	Huỳnh	//	3,71	97	XS	
37	Phan Thị	Lài	//	3,88	96	XS	
38	Trần Kim	Lê	//	3,47	90	Giỏi	
39	Lê Thị Thúy	Liễu	17CĐMN2	3,47	95	Giỏi	
40	Võ Thị Mỹ	Linh	//	3,53	87	Giỏi	
41	Phan Thị Mỹ	Linh	//	3,59	95	Giỏi	
42	Nguyễn Thị My	Ly	//	3,71	89	Giỏi	
43	Trương Thị Diễm	My	//	3,41	87	Giỏi	
44	Lương Thị Diễm	My	//	3,59	87	Giỏi	
45	Phạm Thị Thảo	Ngân	//	3,29	99	Giỏi	
46	Trần Thị Thanh	Ngân	//	3,41	81	Giỏi	
47	Hàng Nguyễn Thu	Ngân	//	3,88	100	XS	
48	Lê Thị Kim	Ngân	//	3,59	76	Khá	
49	Bùi Thị Mộng	Nghi	//	4,00	93	XS	
50	Đỗ Kim	Ngọc	//	3,71	89	Giỏi	
51	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc	//	4,00	97	Giỏi	
52	Nguyễn Thị Yến	Nhi	//	3,71	89	Giỏi	
53	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	//	3,59	81	Giỏi	
54	Trần Thị Yến	Nhi	//	3,59	81	Giỏi	
55	Nguyễn Thị Mộng	Nhi	//	3,71	100	XS	
56	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	//	3,82	83	Giỏi	
57	Trần Thị Ái	Như	//	3,71	93	Giỏi	
58	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	//	3,59	81	Giỏi	
59	Phạm Ngọc	Như	//	2,88	79	Khá	
60	Trương Thị Huỳnh	Như	//	3,59	91	Giỏi	
61	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	//	3,82	89	Giỏi	
62	Lê Thị	Oanh	//	3,76	89	Giỏi	
63	Lê Thị Kiều	Oanh	//	3,71	89	Giỏi	
64	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	//	3,47	87	Giỏi	
65	Nguyễn Châu	Pha	//	3,76	100	XS	
66	Hồ Thị Kim	Phụng	//	3,59	87	Giỏi	
67	Trần Hà Kim	Phụng	//	3,59	91	Giỏi	
68	Trần Thị Kiều	Phương	//	3,47	87	Giỏi	

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả		Danh hiệu	Ghi chú
				Học tập	Rèn luyện		
69	Dương Thị Bé	Phương	//	3,59	87	Giỏi	
70	Bùi Khánh	Quyên	//	3,76	83	Giỏi	
71	Bùi Thị Cẩm	Quyên	//	3,88	83	Giỏi	
72	Phan Thị	Quyên	//	3,76	83	Giỏi	
73	Phan Thị Tố	Quyên	//	3,71	99	XS	
74	Võ Thị Diệu	Thơ	//	3,65	83	Giỏi	
75	Đặng Thị Anh	Thư	//	3,76	89	Giỏi	
76	Lương Ngọc Anh	Thư	//	3,65	89	Giỏi	
77	Nguyễn Thị	Tươi	//	3,88	93	XS	
78	Võ Ngọc	Thảo	17CĐMN3	3,53	90	Giỏi	
79	Dương Thị Phương	Thảo	//	3,24	90	Giỏi	
80	Nguyễn Ngọc	Thảo	//	3,76	96	XS	
81	Nguyễn Thị Thu	Thảo	//	3,88	90	XS	
82	Huỳnh Thị Kim	Thi	//	3,47	94	Giỏi	
83	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	//	3,88	92	XS	
84	Huỳnh Thị Thi	Thơ	//	3,88	100	XS	
85	Lê Nguyễn Anh	Thư	//	3,35	98	Giỏi	
86	Nguyễn Thị Anh	Thư (20/07)	//	3,65	100	XS	
87	Ngụy Anh	Thư	//	3,88	100	XS	
88	Trần Thị Minh	Thư	//	3,65	92	Giỏi	
89	Nguyễn Hồ Anh	Thư	//	3,65	100	Giỏi	
90	Nguyễn Thị Anh	Thư (08/03)	//	3,35	83	Giỏi	
91	Trần Lê Ngọc	Thương	//	3,12	86	Khá	
92	Nguyễn Bảo Minh	Thương	//	3,65	92	Giỏi	
93	Lê Thị Cẩm	Thuy	//	3,18	86	Khá	
94	Đoàn Nhật	Thuy	//	3,88	100	XS	
95	Đỗ Thị Hoàng	Thy	//	3,47	90	Giỏi	
96	Nguyễn Thị Kim	Tiên	//	4,00	92	XS	
97	Trần Thị Cẩm	Tiên	//	3,82	96	XS	
98	Văn Thị Anh	Trà	//	3,71	92	Giỏi	
99	Huỳnh	Trâm	//	3,76	94	Giỏi	
100	Phạm Lê Bảo	Trâm	//	3,41	90	Giỏi	
101	Huỳnh Thị Nhả	Trân	//	3,71	96	XS	
102	Lê Thị Thùy	Trang	//	3,59	94	Giỏi	
103	Văn Thị Huyền	Trang	//	3,59	90	Giỏi	
104	Đỗ Thị Diễm	Trinh	//	3,24	90	Giỏi	
105	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	//	3,76	92	Giỏi	
106	Mai Thị Thanh	Trúc	//	3,35	90	Giỏi	
107	Ngô Thị Cẩm	Tú	//	3,59	90	Giỏi	

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả		Đanh hiệu	Ghi chú
				Học tập	Rèn luyện		
108	Trần Thị Thanh	Tuyền	//	3,35	90	Giỏi	
109	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	//	3,76	92	XS	
110	Phan Thị Diễm	Tuyết	//	3,76	100	XS	
111	Lâm Mỹ	Uyên	//	4,00	92	XS	
112	Lâm Thái	Uyên	//	3,59	90	Giỏi	
113	Võ Diệu	Vàng	//	3,59	90	Giỏi	
114	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	//	3,47	88	Giỏi	
115	Trần Thị Kim	Yến	//	4,00	100	XS	
***	II. KHOA VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT VÀ DU LỊCH						
116	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	18TCTN	3,48	83	Giỏi	
***	III. KHOA Y DƯỢC						
117	Phạm Nguyễn Thảo	Chiêu	18TCD	2,50	85	Khá	
118	Trương Thị Mỹ	Duyên	//	3,13	81	Khá	
119	Lê Thành	Đạt	//	2,50	81	Khá	
120	Nguyễn Thị Kim	Hân	//	2,88	81	Khá	
121	Nguyễn Văn	Hiền	//	3,00	93	Khá	
122	Võ Thiên	Kim	//	3,13	81	Khá	
123	Tô Thanh	Mai	//	3,00	81	Khá	
124	Nguyễn Thị Kim	Ngân	//	2,75	81	Khá	
125	Trương Thị Thảo	Ngân	//	3,13	81	Khá	
126	Đỗ Thị Kim	Ngân	//	3,50	83	Giỏi	
127	Nguyễn Kim	Ngọc (1999)		2,50	81	Khá	
128	Nguyễn Đức	Phú	//	3,25	83	Giỏi	
129	Nguyễn Trúc	Phương	//	3,25	83	Giỏi	
130	Phạm Thị Thủy	Tiên	//	3,50	83	Giỏi	
131	Nguyễn Phan Đức	Thịnh	//	2,63	89	Khá	
132	Nguyễn Thị Yến	Vân	//	3,38	83	Giỏi	
133	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	//	3,50	83	Giỏi	
134	Bùi Hoàng	Anh	//	2,88	81	Khá	
135	Đình Thùy	Dung	//	3,13	81	Khá	
136	Nguyễn Anh	Duy	//	3,13	81	Khá	
137	Võ Thị Thùy	Dương	//	3,63	100	XS	
138	Nguyễn Vĩnh	Hào	//	2,75	93	Khá	
139	Dương Hoàng	Khánh	//	2,75	81	Khá	
140	Ngô Vân	My	//	3,50	83	Giỏi	
141	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	//	3,13	81	Khá	
142	Trần Thị Thanh	Ngân	//	3,25	88	Giỏi	
143	Nguyễn Kim	Ngọc (2000)		3,00	76	Khá	
144	Võ Thị Yến	Nhi	//	2,75	76	Khá	

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả		Danh hiệu	Ghi chú
				Học tập	Rèn luyện		
145	Phan Trọng	Phúc	//	2,75	81	Khá	
146	Nguyễn Hoàng	Tấn	//	2,88	81	Khá	
147	Lê Thị Cẩm	Thi	//	3,13	84	Khá	
148	Trần Yến	Thư	//	3,50	87	Giỏi	
149	Đặng Thị Mai	Trinh	//	3,50	94	Giỏi	
150	Nguyễn Thị Như	Ý	//	3,13	81	Khá	
151	Võ Trường	Ân	18TCĐDu	2,92	81	Khá	
152	Đông Thị Ngọc	Diễm	//	3,33	75	Khá	
153	Trần Thị Mộng	Kha	//	3,50	75	Khá	
154	Phạm Ngọc	Mỹ	//	3,17	78	Khá	
155	Đỗ Tẫu	Nam	//	3,17	81	Khá	
156	Trần Sĩ	Ngự	//	3,08	81	Khá	
157	Phạm Bảo	Nhi	//	3,50	83	Giỏi	
158	Huỳnh	Như	//	3,00	77	Khá	
159	Châu Minh	Sang	//	3,33	79	Khá	
160	Huỳnh Lê Kim	Tâm	//	3,33	83	Giỏi	
161	Lê Đặng Kim	Thanh	//	3,50	83	Giỏi	

2. Tập thể

TT	LỚP	KHOA	DANH HIỆU LỚP	Ghi chú
1	17CĐMN1 (SS: 38)	Sư phạm	Xuất sắc	
2	17CĐMN3 (SS: 38)	//	Xuất sắc	
3	17CĐMN2 (SS: 39)	//	Xuất sắc	
4	18TCĐDu (SS: 12)	Y Dược	Tiên Tiến	

đ danh hiệu thi đua:

- + 30 HSSV được công nhận danh hiệu HSSV Xuất sắc;
- + 94 HSSV được công nhận danh hiệu HSSV Giỏi;
- + 37 HSSV được công nhận danh hiệu HSSV Khá.
- + 3 Tập thể được công nhận danh hiệu Tập thể Xuất sắc;
- + 1 Tập thể được công nhận danh hiệu Tập thể Tiên tiến.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
BẾN TRE

Nguyễn Văn Huân